

Số:/KHGD-MNCD

Tứ Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ thông tư 51/200/TT- BGDDT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về sửa đổi một số nội dung của Chương trình GDMN của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ- UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng quyết định ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, địa phương:.

Trường Mầm non Cẩm Đoài xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 cụ thể như sau:

A. KHỐI 5 TUỔI

		NỘI DUNG GIÁO DỤC		CHỦ ĐỀ								
GD PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT												
1/ GD phát triển vận động:				Chủ đề								
*Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp												
1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			CD1	CD2	CD3	CD4	CD5	CD6	CD7	CD8	CD9
				X	X	X	X	X	X	X	X	X
* Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động												
2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi bằng mép ngoài bàn chân							X				
	- Đi khuyu gối.					X						
	- Đi trên dây (dây đặt trên mặt sàn).											X

	- Đi trên ván kê dốc (2m x 0,3m x 0,3m).							X		
	- Đi nổi bàn chân tiến, lùi.		X							
	- Đi trên ghế TD đầu đội túi cát.								X	
	- Đứng một chân và giữ thẳng người trong khoảng 10 giây.	X					X			
	- Nhảy lò cò 5 bước, đổi chân theo yêu cầu.				X					
3. Kiểm soát được vận động.	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh								X	
	- Chạy thay đổi tốc độ theo hướng.					X				
	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m - 5m.	X								
	- Chạy nhanh 18m trong khoảng 10 giây									X
	- Chạy chậm 100 - 120m			X						
	- Bò đích dắc qua 7 điểm				X					
	- Bò bằng bàn tay, cẳng chân chui qua qua ống dài 1,5m x 0,6m.		X							
	- Trườn sấp, kết hợp trèo qua ghế thể dục						X			
	- Bật liên tục vào 5 vòng	X								
	- Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.			X						
	- Bật qua vật cản 15 - 20cm.							X		
	- Bật sâu 40 - 45cm.					X				
	- Bật xa 40 - 50cm								X	
	- Trèo lên xuống 7 gióng thang.									X
	- Đi bước chéo, sang ngang				X					

4. Phối hợp tay mắt trong các vận động.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng	x								
	Ném xa bằng 1 tay		x							
	Ném xa bằng 2 tay								x	
	- Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân							x		
	- Ném trúng đích nằm ngang bằng 2 tay (1 tay) (1,4 -1,6m)						x			
	- Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 (2) tay (1,5 -2m)									x
	- Đi, đập và bắt bóng				x					
5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- Bật qua vật cản, ném xa bằng 1 tay							x		
	- Ném xa bằng 1 tay, chạy nhanh 18m			x						
	- Bật sâu, ném trúng đích ngang bằng 2 tay					x				
	- Chạy và vượt qua chướng ngại vật						x			
* Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt.										
6. Thực được các vận động.	- Các cử động bàn tay, ngón tay, cổ tay (uốn ngón tay, bẻ tay, xoa cổ tay, gập mở lần lượt từng ngón tay		x							x
7. Phối hợp được cử động bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động.	- Xếp chồng 12 - 15 hình khối theo mẫu				x					
	- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số, cắt được theo đường viền của hình vẽ, ghép và dán hình đã cắt theo mẫu			x						

	- Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khoá(Phéc mơ tuya)		x							x
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--	---

2/ GD dinh dưỡng sức khỏe:

*** Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.**

8. Lựa chọn được 1 số thực phẩm khi được gọi tên nhóm.	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.		x						x	
9. Nói được tên một số món ăn hàng ngày, dạng chế biến đơn giản và ích lợi của chúng với sức khỏe.	- Tên các món ăn, làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. (Cơm, canh cua, rau xào, thịt rim, trứng rán, nước cam....)	x							x	x
	- Kể tên các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ chất, đủ lượng. Ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống sôi...			x						
	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)						x			

***Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt**

10. Thực hiện được một số việc đơn giản	- Tập luyện kỹ năng đánh răng, lau mặt, rèn luyện thao tác tự rửa tay bằng xà phòng. Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn, đi vệ sinh đúng nơi quy định.		x			x				x
	- Sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo	x								

*** Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.**

11. Có một số hành vi và thói	- Mời cô, mời bạn ăn, không đùa nghịch,									
-------------------------------	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--

quen tốt trong ăn uống, trong vệ sinh phòng bệnh	không làm đồ vải thức ăn, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Vệ sinh răng miệng, che miệng khi ho, hắt hơi				x					
	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết.					x		x		
	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân, cách phòng tránh. Nói với người lớn khi đau, chảy máu, sốt...	x	x				x			
	- Bỏ rác đúng nơi quy định, không khạc nhổ bừa bãi.			x						x
* Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.										
12. Nhận ra, không chơi 1 số đồ vật có thể gây nguy hiểm, nơi không an toàn. Không làm một số việc gây nguy hiểm.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn (sông, suối, ao hồ...), vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp điện , vật sắc nhọn...), những hành động nguy hiểm (Trèo lan can, ...)		x				x		x	
13. Biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	- Không cười đùa trong khi ăn, không tự ý uống thuốc, không ăn thức ăn bị ôi thiu, các loại quả có hạt....uống rượu bia, hút thuốc lá có hại cho sức khỏe				x			x		

14. Nhận ra một số trường hợp không an toàn, biết kêu cứu và gọi người giúp đỡ.	- Tự bảo vệ bản thân: Kêu cứu/ gọi người xung quanh giúp đỡ khi mình hoặc người khác bị đánh, bị ngã, chảy máu hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm khi cháy nổ...						X			
	- Những con số khẩn cấp khi cần thiết để gọi :113,114,115, số điện thoại của người thân (bố, mẹ...)			X				X		
15. Biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	- Những nguy hại của thuốc lá với sức khỏe con người và cách phòng tránh.					X				X
16. Thực hiện một số quy định ở trường, lớp, ở nhà và nơi cộng	- Không leo trèo ban công, tường rào, không tự ý đi ra ngoài cổng trường.	X								
	- Đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy, không chạy nhảy, thò đầu, tay ra ngoài cửa khi ngồi trên ô tô						X			

GD PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

1/ Khám phá khoa học:

**Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.*

17.- Tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh.	- Đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng như: Tại sao có mưa?....								X	
18. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 -3 dấu hiệu	X			X					

tượng. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng của PTGT. - Phân loại PTGT theo 2 - 3 dấu hiệu						x			
	- Chức năng các giác quan, các bộ phận khác trên cơ thể - Cách chăm sóc, bảo vệ cơ thể		x							
19. Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của một số con vật - Phân loại con vật theo 2- 3 dấu hiệu. - Cách chăm sóc bảo vệ con vật					x				
	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của một số loại cây, hoa, quả - Phân loại cây, hoa, quả theo 2 - 3 dấu hiệu. - Cách chăm sóc, bảo vệ cây							x		
20. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	- Thử nghiệm gieo hạt, trồng cây, tưới nước hoặc không tưới nước.... quan sát và nhận xét.							x		
21. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo và cách sử dụng đồ dùng đc, PTGT, con vật, cây hoa quả đối với môi trường sống					x	x	x		

hình, trò chuyện và thảo luận.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi... - Sự khác nhau của ngày và đêm								X	
22. Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên	- Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật.					X		X	X	
* Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.										
23. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa. Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây cối theo mùa.			X					X	
24. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng nhiều khác nhau	- Các nguồn nước, đặc điểm tích chất của nước, ích lợi nước đối với đời sống con người - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước								X	
	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với đời sống con người, cây cối, con vật.					X		X		
* Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau										
25. Nhận xét, thảo luận, thể hiện sự hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi, hát, múa, vẽ, nặn, cắt, dánvề đối tượng		X	X						X
2/ Khám phá xã hội:										

* Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp Mầm non, cộng đồng.									
26. Nói đúng họ tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân		x						
27. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ, nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình			x					
28. Nói tên, cô giáo, các bạn trong lớp, địa chỉ, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên trường, lớp, tên cô giáo, tên các bạn trong lớp, địa chỉ trường - Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp, công việc của các cô, các bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường	x							
- Nhận biết được một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương									
29. Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.				x				
* Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh									
30. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.	- Tên một số lễ hội trong năm và các hoạt động của lễ hội. (ngày khai giảng, tết trung thu.....)	x	x	x	x		x	x	

31. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Tên, đặc điểm nổi bật của một số di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.									X
3/ Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:										
*Nhận biết số đếm, số lượng.										
32. Quan tâm đến các con số	- Thích nói về số lượng và đếm, hỏi „ Bao nhiêu“? „ Đây là mấy?“...					X				
33. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng của trẻ.			X			X			X
34. Nhận biết các số từ 5 đến 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10	X			X		X			
35. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- Đếm, So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói kết quả.(Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất)						X			
36. Gộp/tách các đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau trong phạm vi 10 và đếm.			X				X		X
37. Nhận biết các con số được sử dụng trong	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà,	X								X

cuộc sống hằng ngày.	biển số xe, số điện thoại...).										
*Sắp xếp theo qui tắc.											
38. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu; Nhận ra quy tắc sắp xếp, sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra qui tắc sắp xếp. - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.					X					
*So sánh hai đối tượng.											
39. Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nêu kết quả	- Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau.		X								
	- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo									X	
	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo				X						
*Nhận biết hình dạng											
40. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.	X							X		
	- Chắp ghép các hình học để tạo ra các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau										X
*Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.											
41. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái)so bản thân		X			X					

với vật làm chuẩn.	trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn									
42. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết ngày hôm qua, hôm nay, ngày mai - Gọi tên các thứ/ ngày trong tuần - Thứ tự các mùa trong năm.								X	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ										
*Nghe hiểu lời nói.										
43. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể; Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	- Hiểu và làm theo 2-3 yêu cầu liên tiếp - Nghe hiểu câu đơn, câu mở rộng, câu phức	X								
44. Hiểu nghĩa một số từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi	- Hiểu các từ khái quát (đồ dùng để ăn, nhóm gia súc, PTGT đường bộ...) từ trái nghĩa: Nóng - lạnh, Ngày - đêm, Cao - thấp....		X		X	X	X	X		X
45. Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, ca dao, đồng dao dành cho lứa tuổi trẻ	- Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè....phù hợp với độ tuổi	X	X	X	X	X X	X	X	X	X
* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày										
46. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể về một sự vật, hiện tượng, kể lại nội dung chuyện đã được nghe theo trình tự nhất định.			X				X		

47. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.... phù hợp với ngữ cảnh. Sử dụng từ cảm ơn, xin lỗi... phù hợp tình huống.	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp Sử dụng từ biểu cảm, hình tượng.	x					x			
48. Dùng câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định...	- Bày tỏ nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.					x				x
	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, cuối gần giống nhau và các thanh điệu				x					
	- Trả lời và đặt các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì?....								x	
49. Đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao....	- Đọc thuộc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với độ tuổi.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
50. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm, bớt sự kiện...trong ND câu chuyện.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. Đặt tên mới cho nhân vật, tên truyện...						x			
	- Đóng kịch					x				
*Làm quen với việc đọc, viết										

51. Chọn sách để “đọc” và xem.	- Thể hiện sự hứng thú với sách, chọn sách để “đọc”, xem, thích đọc những chữ đã biết trong MTXQ. Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.					x				x
	- Làm quen với cách đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, ngắt nghỉ sau các dấu - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.		x	x			x			
52. Kể chuyện theo tranh	- Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân. - Đọc truyện qua các tranh vẽ.				x					
53. Nhận ra các ký hiệu thông thường.	- Làm quen và biết cách sử dụng với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông.....							x		
54. Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái.	- Làm quen với hướng viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Tô, đồ các nét chữ. - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình		x					x	x	
55. Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt.	- Nhận dạng được chữ cái và phát âm chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI										

*Thể hiện ý thức về bản thân.									
56. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, bố mẹ, địa chỉ nhà, số ĐT của bố, mẹ. Sở thích của bản thân. Vị trí, trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.		X	X					
Thể hiện sự tự tin, tự lực									
57. Cố gắng thực hiện công việc được giao	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi, làm việc nhà...). Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc	X	X	X	X				
58. Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến					X			
*Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.									
59. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc... - Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt.		X					X	
60. Biết an ủi và chia vui với bạn bè.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.						X		

61. Biết kiểm chế tiêu cực khi được an ủi, giải thích, tìm cách giải quyết mâu thuẫn.	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác				x					
62. Có nhóm bạn chơi thường xuyên và quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.	- Chủ động giao tiếp với bạn. Thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh.				x	x				
63. Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Quan tâm, chia sẻ, sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.			x						
64. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...). Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ - Đọc thơ, hát, múa, kể chuyện... về Bác Hồ.									x
65. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.						x			x
* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.										
66. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình, nơi công cộng.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ đúng chỗ, trật tự khi ăn, ngủ, đi bên phải lề đường...)	x		x	x			x		

67. Chú ý nghe cô nói, bạn nói, không ngắt lời người khác. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác. Sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép. Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình			x						
68. Biết lắng nghe, trao đổi ý kiến thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ chơi với những người gần gũi.				x					
69. Biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn	- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn, thể hiện sự thân thiện đoàn kết với bạn bè		x			x			x	
70. Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận sự phân công của nhóm bạn	x								
* Quan tâm đến môi trường.										
71. Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Chăm sóc, bảo vệ cây cối, con vật.					x	x			
72. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hằng ngày.	- Nhận xét và tỏ thái độ đúng - sai, tốt - xấu về môi trường. - Bỏ rác đúng nơi quy định.			x				x	x	
73. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường	- Giữ gìn vệ sinh môi trường - Tiết kiệm điện, nước							x	x	x
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ										
* Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.										

74. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm khi nghe các âm thanh, ngắm nhìn vẻ đẹp các sự vật, hiện tượng, các tác phẩm tạo hình	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe các âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng, các tác phẩm tạo hình.		x							x
75. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc;	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca, nhạc cổ điển....) - Nghe, nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết, êm dịu) của các bài hát, bản nhạc	x		x	x			x		
*Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình										
76. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm, vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca, vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ âm nhạc gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.....	x	x	x	x	x	x	x	x	x
77. Sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm.	x		x		x		x		x

78. Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình... để tạo thành bức tranh (sản phẩm) có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. Nhận xét sản phẩm tạo hình	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
*Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)										
79. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích. Đặt lời theo giai điệu bài hát, bản nhạc, một câu,, một đoạn.		x		x		x		x	
80. Nói lên ý tưởng, tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích, đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm của mình.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tổng		27	27	27	27	28	30	28	27	30

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN NĂM HỌC 2025 - 2026

Số TT	Tên chủ đề	Ngày lễ hội	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Trường mầm non của bé	- Ngày hội đến trường	3 tuần từ 08/9 -> 26/9/2025	
2	Bản thân	- Bé vui đón tết trung thu	3 tuần Từ 29/9 -> 17/10/2025	
3	Bé với gia đình thân yêu	- Ngày PNVN 20/10.	4 tuần Từ 20/10>14/11/2025	
4	Những nghề bé biết	- Ngày hội của cô giáo 20-11	4 tuần Từ 17/11 -> 12/12/2025	
5	Thế giới động vật	- Ngày thành lập quân đội nhân dân VN 22/12	4 tuần Từ 15/12 -> 9/01/2026	<i>Nghỉ tết dương lịch</i>
Kết thúc học kỳ I: 18 tuần				
6	Phương tiện và luật lệ giao thông		4 tuần Từ 12/01 -> 06/2/2026	
7	Bé với thế giới thực vật	- Ngày QTPN 08/3 - Lễ hội tết và mùa xuân	4 tuần Từ 9/02-> 13/03/2026	- <i>Nghỉ tết nguyên đán (từ 16/02 đến hết ngày 20/02/2026)</i>
8	Bé với các hiện tượng tự nhiên		5 Tuần Từ 16/03-> 17/04/2026	
9	Quê hương - đất nước - Bác Hồ.	- Mừng sinh nhật - - Bác 19/5. - Tổng kết năm học.	4 tuần Từ 20/04-> 22/05/2026	- <i>Nghỉ bù Giỗ tổ HV 10/3(27/04)</i> - <i>Nghỉ lễ 30/4, 01/5/2026 (thực hiện tuần đệm 28/4, 29/4)</i>
Kết thúc học kỳ II: 17 tuần				
Tổng			35 Tuần	

B. KHỐI 4 TUỔI

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC	CHỦ ĐỀ								
		CD 1	CD	CD3	CD4	CD5	CD6	CD7	CD8	CD9
GIÁO DỤC PTTC										
a/ Phát triển vận động:										
- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp										
1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác: Hô hấp, tay, thân (bụng/ lườn) chân, bật theo hiệu lệnh	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất vận động:										
2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	- Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn	x								
	- Đi trên ghế thể dục.			x						
	- Đi bước dồn ngang							x		
	- Đi khuyu gối				x					
	- Đi kiếng gót.					x				
	- Nhảy lò cò 3m.									x
3. Kiểm soát được vận động.	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.			x						
	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh		x							
	- Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn.	x								
	- Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn									x
	- Bật qua vật cản cao 10 -15cm						x			
	- Bật liên tục về phía trước								x	
	- Bật nhảy từ trên cao xuống (30 - 35 cm)					x				
	- Bật xa 35 - 40 cm							x		
	- Chạy chậm 60 – 80m								x	

	- Bật tách khớp chân qua 5 ô				x					
	- Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 – 4m	x								
	- Bò zíc zắc qua 5 điểm				x					
	- Bò chui qua cổng (ống dài)					x				
	Trườn theo đường thẳng			x						
	Trèo lên xuống thang 5 giống							x		
4. Phối hợp tay-mắt trong vận động.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng	x								
	- Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân						x			
	- Tung bóng lên cao và bắt bóng									x
	- Tung bắt bóng với người đối diện.				x					
	- Ném trúng đích đứng bằng 1 tay					x				
	- Đập và bắt bóng tại chỗ		x							
	- Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay, 2 tay									x
	- Ném xa bằng 1 tay								x	
5. Thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Ném xa bằng 1 tay, chạy nhanh 15m trong 10s	x								
	- Trườn theo hướng thẳng kết hợp Trèo qua ghế dài 1.5m x 30cm								x	
	- Ném trúng đích nằm ngang, chạy chậm 80m							x		
	- Đi bằng gót chân, tung và bắt bóng với cô			x						
	- Bật sâu 30cm, bò chui qua cổng						x			
- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt										

6. Thực hiện được các vận động:	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vẽ, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi...	x					x			
	- Gập giấy				x					
7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động:	- Tô vẽ hình		x							
	- Xé, cắt đường thẳng									
	- Lắp ghép hình			x						
	- Tắt sợi đôi									
	- Cài, cởi cúc áo, khâu, buộc dây giày							x		x
b/ Dinh dưỡng và sức khỏe:										
- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.										
8. Biết một số TP cùng nhóm:	- Một số thực phẩm thông thường trong các nhóm TP (Trên tháp dinh dưỡng)		x						x	
9. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	- 1 số món ăn. - Dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn (cơm, canh cua, thịt luộc, trứng rán...)	x					x			
10. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất. Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)			x				x		
- Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt										

11. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở	- Tập đánh răng, lau mặt. Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. Đi vệ sinh đúng nơi quy định... Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không làm rơi vãi, đổ thức ăn.	x								
- Có một số hành vi tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.										
12. Có một số hành vi tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn ăn: ăn từ tốn, nhai kỹ - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Không uống nước lã	x								x
13. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người				x					
	- Lựa chọn trang phục phù hợp thời tiết, ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp thời tiết. Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản					x				
- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh										
14. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm. Các vật sắc, nhọn không nên nghịch.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, dao, kéo....)				x		x			x

15. Nhận ra những nơi nguy hiểm không được đến gần	- Nhận biết những nơi nguy hiểm, không được đến gần như: ao, hồ, nương nước, suối, bể chứa nước....					x			x	
16. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	- Biết và phòng tránh một số hành động nguy hiểm: không cười đùa trong khi ăn một số loại quả có hạt. Không ăn thức ăn có mùi ôi, thiu, không tự ý uống thuốc, rượu, bia...						x			
	- Không tự ý ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.			x				x		
17. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:	- 1 số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ(cháy, có người ngã xuống nước, chảy máu, bị lạc....) SĐT khẩn cấp (113,114,115)					x			x	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC										
a. Khám phá khoa học										
- Xem xét, tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng										
18. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. Như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: "Vì sao lá cây bị			x					x	

	héo, vì sao lá cây bị ướn?... 19. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu về đặc điểm của đối tượng. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	x								
	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1 -2 dấu hiệu									
	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng của PTGT. - Phân loại PTGT chơi theo 1 -2 dấu hiệu					x				
	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người - Cách chăm sóc bảo vệ con vật				x					
	- Đặc điểm bên ngoài của cây hoa, quả..., gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người - Cách chăm sóc, bảo vệ cây						x			
	- Chức năng các giác quan, các bộ phận khác trên cơ thể - Cách chăm sóc, bảo vệ cơ thể	x								

20. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện về đối tượng.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo và cách sử dụng đồ dùng đc, PTGT, con vật, cây hoa quả đối với môi trường sống					x	x	x		
	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi...								x	
	- Sự khác nhau của ngày và đêm								x	
21. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Làm thử nghiệm, quan sát, phán đoán: ví dụ: pha màu nước, chất tan- không tan, chìm nổi, sự bốc hơi của nước, không khí, nước nóng, lạnh...				x					
- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.										
22. Nhận xét được 1 số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con người	x								
	- Các nguồn nước, đặc điểm tích chất của nước, ích lợi của nước đối với đời sống con người								x	

	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước				x					
	- Không khí, ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với đời sống con người, cây cối, con vật						x			
23. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác và giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi, PTGT, cây, hoa, quả quen thuộc						x			
24. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình ...	- Hát, múa, kể chuyện, đọc thơ, vẽ, nặn, cắt, dán, chơi các trò chơi...về đối tượng		x							x
b/ Làm quen với toán										
- Nhận biết số đếm, số lượng										
25. Quan tâm đến chữ số, số lượng	Thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: "Bao nhiêu?", "Là số mấy?"..					x				
26. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên các đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng				x			x		x
27. So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng và nói được kết quả (Nhiều hơn, ít hơn)				x		x			x

28. Gộp hai nhóm có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp 2 nhóm trong phạm vi 5		x			x	x		x	
29. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	Tách 1 nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn trong phạm vi 5		x			x	x		x	
30. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự	Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	x		x				x		
31. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe, số Đt khẩn cấp: 13, 114, 115...)			x				x		
- Sắp xếp theo quy tắc										
32. Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp. Tạo ra quy tắc sắp xếp					x				
	- Ghép đôi.			x		x				
	- Xếp tương ứng 1-1	x					x			
	- Xếp xen kẽ 2, 3 đối tượng	x								
- So sánh 2 đối tượng.										
33. Sử dụng dụng cụ để đo độ dài dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	- Đo độ dài một vật bằng 1 đơn vị đo				x			x	x	
	- Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo								x	
- Nhận biết hình dạng										

34. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa các hình: tròn, tam giác, vuông, hình chữ nhật....	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	x			x					
35. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- Chắp ghép các hình học để tạo ra hình mới theo ý thích và theo yêu cầu			x						x
- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.										
36. Sử dụng lời nói, hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Phía trước, phía sau, phía trên, phía dưới, phía phải, phía trái của bản thân		x					x		
	- Phía trước, phía sau, phía trên, phía dưới, phía phải, phía trái của đối tượng khác.									x
37. Mô tả các sự kiện xảy ra trong ngày theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.								x	
c/ Khám phá xã hội										
- Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng.										
38. Nói họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân		x							
39. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên	- Họ tên, công việc của bố, mẹ, người thân trong gia			x						

trong gia đình. Địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện.	đình. Địa chỉ của gia đình, một số nhu cầu của gia đình									
40. Nói tên, địa chỉ của trường, lớp, tên, công việc của cô giáo, các bác công nhân viên, các bạn khi được hỏi trò chuyện.	- Tên, địa chỉ, trường, lớp, họ tên, đặc điểm của cô giáo, các cô, các bác ở trường, các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường	x								x

- Nhận biết một số nghề phổ biến, truyền thống ở địa phương

41. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, hoạt động, ý nghĩa của cá nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương				x					
---	---	--	--	--	---	--	--	--	--	--

- Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.

42. Kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Tên, đặc điểm của một số ngày lễ, hội.	x	x	x	x		x	x		
43. Kể tên và nêu vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Tên, đặc điểm một số di tích lịch sử của địa phương.									x

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Nghe và hiểu lời nói:

44. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	- Hiểu và làm được 2, 3 yêu cầu liên tiếp	x						x		
45. Hiểu nghĩa từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ..	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và từ biểu cảm		x		x					

	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.									
46. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè ...phù hợp độ tuổi	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày:										
47. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Mô tả sự vật hiện tượng trong tranh ảnh, kể lại sự việc, truyện đã được nghe, xem					x				x
48. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.			x					x	
49. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?		x					x		
50. Kể lại được sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.				x					x
51. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao. ..	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với độ tuổi.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
52. Kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc, bắt	Kể lại chuyện đã được nghe.			x		x				

chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	Đóng kịch								x	
53. Sử dụng các từ như: “mời cô” “mời bạn”; “Cảm ơn” “xin lỗi” “thưa” “ạ” “vâng”...trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	x						x		
54. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Nói sử dụng cử chỉ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp						x			
- Làm quen với việc đọc, viết										
55. Chọn sách để xem. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.		x		x		x			x
56. Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vẹt)	- Làm quen với cách đọc từ trái sang phải, từ đôn trên xuống dòng dưới, ngắt nghỉ sau các dấu	x		x						
	- Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách. Giữ gìn, bảo vệ sách					x				
	- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ							x		
57. Sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...	- Làm quen với cách viết của tiếng việt(Hướng viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới) - Nhận dạng 1 số chữ cái. Tập tô, đồ các nét chữ		x				x		x	
58. Nhận ra ký hiệu thông thường trong	- Một số ký hiệu thông thường	x			x		x			x

cuộc sống (nhà VS, nơi cấm lửa, nơi nguy hiểm,...).	trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối thoát hiểm, nơi nguy hiểm, lối ra, cấm lửa, biển báo giao thông...)									
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI										
- Thể hiện ý thức về bản thân.										
59. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Tên, tuổi, giới tính, sở thích, khả năng của bản thân.	x								
- Thể hiện sự tự tin, tự lực										
60. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Đề xuất trò chơi, vai chơi. Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.			x		x				
61. Cố gắng hoàn thành công việc được giao	- Thực hiện công việc được giao như: xếp bàn ghế, cất dọn đồ dùng, đồ chơi....	x				x			x	
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người và sự vật, hiện tượng xung quanh.										
62. Nhận biết, biểu lộ một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, tranh ảnh.	- Nhận biết, biểu lộ một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, tranh ảnh.	x						x		

63. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ. Biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ - Hát múa, kể chuyện đọc thơ về Bác Hồ									X
64. Biết một vài cảnh đẹp lễ hội của quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước									X
- Hành vi và quy tắc ứng xử										
65. Thực hiện được một số quy định ở lớp và ở nhà.	- Một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng (để đồ dùng đúng nơi quy định, trật tự khi ngủ, khi ăn... đi bên phải đường)	X		X				X		
66. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép;	- Sử dụng lời nói cử chỉ lễ phép		X				X			
	- Yêu mến quan tâm đến mọi người				X					
67. Biết chú ý nghe cô nói, bạn nói, chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Lắng nghe ý kiến của người khác- Chờ đến lượt					X			X	
68. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi trực nhật).	- Hợp tác cùng bạn - Quan tâm giúp đỡ bạn		X							X
- Quan tâm đến môi trường										
69. Thích chăm sóc cây cối, con vật.	- Bảo vệ chăm sóc cây cối, con vật				X				X	

Không bẻ cành, ngắt hoa	- Phân biệt hành vi đúng sai- tốt, xấu về môi trường						x			
70. Bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường,	x				x				x
71. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước			x				x		
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ										
- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.										
72. Vui sướng, vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe các âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		x	x	x		x		x	x
73. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca...)	x	x			x		x		
74. Sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình, của tác phẩm tạo hình	- Thể hiện cảm xúc trước cái đẹp			x					x	
- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.										

75. Hát, vận động (theo nhịp, tiết tấu, mùa...) đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời, và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu lời ca, thể hiện sắc thái tình cảm bài hát. Vận động nhịp nhàng theo giai điệu bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp phách tiết tấu	x	x	x	x	x	x	x	x	x
76. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm				x	x	x			x
77. Vẽ, nặn, xé, dán cắt, xếp hình.... tạo ra sản phẩm có màu sắc và bố cục. Nhận xét sản phẩm tạo hình	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, xé, dán, xếp hình... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Nhận xét sản phẩm tạo hình.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)										
78. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. Lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát, bản nhạc	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc, thể hiện các hình thức vận động	x			x			x		
79 - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích, đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Tự chọn dụng cụ nguyên liệu tạo ra sản phẩm theo ý thích nói lên ý tưởng tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình.					x				x
Tổng		28	27	26	29	28	30	27	27	28

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN NĂM HỌC 2025 - 2026

Số TT	Tên chủ đề	Ngày lễ hội	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Trường mầm non của bé	- Ngày hội đến trường	3 tuần từ 08/9 -> 26/9/2025	
2	Bản thân	- Bé vui đón tết trung thu	3 tuần Từ 29/9 -> 17/10/2025	
3	Bé với gia đình thân yêu	- Ngày PNVN 20/10.	4 tuần Từ 20/10>14/11/2025	
4	Những nghề bé biết	- Ngày hội của cô giáo 20-11	4 tuần Từ 17/11 -> 12/12/2025	
5	Thế giới động vật	- Ngày thành lập quân đội nhân dân VN 22/12	4 tuần Từ 15/12 -> 9/01/2026	<i>Nghỉ tết dương lịch</i>
Kết thúc học kỳ I: 18 tuần				
6	Phương tiện và luật lệ giao thông		4 tuần Từ 12/01 -> 06/2/2026	
7	Bé với thế giới thực vật	- Ngày QTPN 08/3 - Lễ hội tết và mùa xuân	4 tuần Từ 9/02-> 13/03/2026	- <i>Nghỉ tết nguyên đán (từ 16/02 đến hết ngày 20/02/2026)</i>
8	Bé với các hiện tượng tự nhiên		5 Tuần Từ 16/03-> 17/04/2026	
9	Quê hương - đất nước - Bác Hồ.	- Mừng sinh nhật - - Bác 19/5. - Tổng kết năm học.	4 tuần Từ 20/04-> 22/05/2026	- <i>Nghỉ bù Giỗ tổ HV 10/3(27/04)</i> - <i>Nghỉ lễ 30/4, 01/5/2026 (thực hiện tuần đệm 28/4, 29/4)</i>
Kết thúc học kỳ II: 17 tuần				
Tổng			35 Tuần	

C. KHỐI 3 TUỔI

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC	CHỦ ĐỀ								
		CD	CD2	CD 3	CD4	CD5	CD 6	CD 7	CD 8	CD9
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT										
a/ Phát triển vận động:										
- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp										
1. Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn	- Thực hiện các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn: Hít thở, tay, lưng/ bụng (lườn) chân, bật	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động:										
2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi kiễng gót liên tục 3m		x			x				
	- Đi trong đường hẹp 3m x 0.2 m	x								
	- Bật tại chỗ	x								
	- Bật tiến về phía trước			x					x	
	- Bật xa 20 - 25 cm				x					
	- Bước lên xuống bậc cao 30 cm					x				x
	- Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát				x					
	- Bật liên tục qua 3 vòng						x			
3. Kiểm soát được vận động.	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh							x		
	- Bò theo hướng thẳng		x							
	- Bò bằng bàn tay, bàn chân chui qua cổng			x					x	
	- Trườn chui dưới dây							x		
	- Bò trong đường hẹp 3m x 0.4 m				x					
	- Trườn về phía trước (hướng thẳng)	x								
	- Đi theo đường zíc- zắc			x						
	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh								x	
	- Chạy đổi hướng theo đường zíc zắc						x			
	- Chạy nhanh 15m									x

4. Phối hợp tay-mắt trong vận động.	- Đập và bắt bóng			x						
	- Tung bóng lên cao và bắt bóng					x				
	- Tung và bắt bóng với cô (bạn)		x				x			
	- Ném xa bằng 1 tay				x					
	- Ném xa bằng 2 tay								x	
	- Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay (1,5 m)									x
	- Lăn bóng và di chuyển theo bóng	x								
5. Thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Đi, chạy đổi hướng theo đường zíc zắc									x
	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh					x				
	- Ném xa bằng 1 tay chạy nhanh 15m						x			
	- Bật xa 25cm , bò chui qua dây							x		
	- Chuyên bắt bóng theo hàng ngang, dọc							x		
- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt										
6. Thực hiện được các vận động	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay	x								
7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong 1 số hoạt động.	- Đan tết					x				
	- Xé, dán giấy, sử dụng kéo, bút. Tô vẽ nguệch ngoạc.									x
	- Xếp chồng 8-10 khối			x						
	- Cài, cởi cúc.							x		
b/ Dinh dưỡng và sức khỏe:										
- Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.										
8. Nói đúng tên một số TP quen thuộc, tên một số món ăn hàng ngày khi nhìn	- Tên một số thực phẩm và món ăn quen thuộc như: + Thịt, cá, trứng sữa, Rau, củ, quả chín + Thịt luộc, cá kho, trứng rán, Canh rau ngót....		x							

vật thật hoặc tranh ảnh.										
9. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	+ Các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất và lượng. + Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)			x						
- Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt										
10. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	+ Làm quen với cách lau mặt, đánh răng. Tập rửa tay bằng xà phòng. Tháo tất, cởi quần áo... + Sử dụng bát, thìa đúng cách	x							x	
	+ Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh..				x					
- Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.										
12. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở	+ Mời cô, mời bạn ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ		x				x			
	+ Không uống nước lã. không ăn thức ăn ôi thiu.....				x					
13. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	+ Chấp nhận vệ sinh răng miệng							x		
	+ Lựa chọn trang phục phù hợp thời tiết,								x	
	+ Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.		x							
	+ Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Một số biểu hiện khi ốm, biết nói với người lớn khi bị ốm					x				

- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh										
14. Nhận ra một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm: (Phích nước nóng, bếp đang đun....)			x						
15 .Biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn (ao , hồ, bể nước.....)								x	
16. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở;	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm: + Không cười đùa khi ăn, uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt						x			
	+ Không theo người lạ ra khỏi trường , lớp	x								
	+ Không trèo lan can, không nghịch các vật sắc nhọn.									x
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC										
a. Khám phá khoa học										
- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng										
17. Quan tâm hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Trả lời câu hỏi: Vì sao có nắng, vì sao có mưa				x					
	- 1 số hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh.								x	
18. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng.	- Tên gọi, Đặc điểm công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi	x								
	- Tên gọi, Đặc điểm, công dụng của 1 số loại PTGT, cây, hoa quả, con vật quen thuộc.					x	x			
	- Đặc điểm, tính chất của đất, đá, nước, cát, sỏi.							x		
19. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát,	- Làm thí nghiệm như pha màu, pha đường, muối, nước nóng lạnh, sự bốc hơi của nước, không khí, thí nghiệm vật chìm, vật nổi...						x			

tìm hiểu đối tượng.										
20. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều các khác nhau có sự gợi mở của cô giáo:	- Chức năng, các giác quan và các bộ phận trên cơ thể Xem sách, tranh ảnh, nhận xét, trò chuyện.	x								
21. Phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.								x	
- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.										
22. Nhận ra 1 vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ giữa đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống của chúng					x				
	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. Ích lợi của nước đối với đời sống con người, cây, con vật.								x	
- Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.										
23. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng qua quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Một số nguồn nước, nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày								x	
24. Thể hiện một số điều quan sát được qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Hát múa, kể chuyện, đọc thơ, vẽ nặn, cắt, dán, chơi trò chơi... về đối tượng						x	x		
b/ Làm quen với toán										
- Nhận biết số đếm, số lượng										
25. Quan tâm đến số lượng và đếm.	- Hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	x								

26. Đếm trên đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Nhận biết số lượng trong phạm vi 2		x							
	- Đếm và nhận biết số lượng trong phạm vi 3				x					
	- Đếm trong phạm vi 4					x				
	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5								x	
27. So sánh số lượng giữa 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 1 và nhiều	x								
28. Gộp, tách nhóm đối tượng cùng loại có số lượng trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm có 3 đối tượng				x					
	- Tách 1 nhóm có 3 đối tượng thành 2 nhóm					x				
	- Gộp 2 nhóm có 4 đối tượng thành 2 nhóm						x			
	- Tách 1 nhóm có 4 đối tượng thành 2 nhóm						x			
	- Tách gộp nhóm có 4 đối tượng thành 2 phần							x		
	- Gộp 2 nhóm có 5 đối tượng								x	
	- Tách 1 nhóm có 5 đối tượng thành 2 nhóm									x
	- Tách gộp nhóm có 5 đối tượng thành 2 phần									x
- Sắp xếp theo quy tắc										
29. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản(mẫu) và sao chép lại	- Xếp tương ứng 1- 1			x						x
	- Ghép đôi			x		x				
	- Xếp xen kẽ					x		x		
- So sánh 2 đối tượng.										
30. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn,	- To hơn - nhỏ hơn			x				x		
	- Dài hơn - ngắn hơn				x				x	

dài hơn/ ngắn hơn, cao hơn/thấp hơn, bằng nhau...	- Cao hơn - thấp hơn								x	
- Nhận biết hình dạng										
31. Nhận dạng và gọi tên các hình.	- Hình tròn - hình vuông	x								
	- Hình tam giác - chữ nhật	x								
	Hình vuông, hình tròn - hình tam giác, chữ nhật.		x							x
	Sử dụng các hình để lắp ghép			x				x		
- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.										
32. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết tay phải, tay trái của bản thân.		x							
	- Nhận biết phía trên, phía dưới của bản thân				x		x			
	- NB phía trước, phía sau của bản thân						x			
c/ Khám phá xã hội										
- Nhận biết bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng.										
33. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.		x							
34. Nói tên của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Tên của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.			x						
35. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ dùng đồ chơi	- Tên lớp mẫu giáo. Tên cô giáo, công việc của cô giáo. Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi, các	x								

khi được hỏi, trò chuyện.	hoạt động của trẻ ở trường.										
- Nhận biết một số nghề phổ biến, truyền thống ở địa phương.											
36. Kể tên, và nói được sản phẩm của nghề khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và lợi ích của một số nghề phổ biến.				x						
- Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.											
37. Kể tên một số lễ hội	- Tên một số lễ hội (ngày khai giảng, tết trung thu...)	x	x	x	x			x	x		
38. Kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ Tổ Quốc - Tên một số di tích lịch sử ở địa phương.										x
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ											
- Nghe hiểu lời nói:											
39. Thực hiện được yêu cầu đơn giản	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản	x					x				
40. Hiểu nghĩa của từ khái quát gần gũi.	- Hiểu các từ chỉ tên người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.			x					x		
41. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng. Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè....phù hợp với lứa tuổi. - Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày:											

42. Nói rõ các tiếng. Nói đủ nghe, không lí nhí.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.									X
	- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp						X			
43. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	- Trả lời và đặt câu hỏi "Ai?" "Cái gì?" "Ở đâu?" "Khi nào?"			X				X		
44. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.		X							
45. Kể lại sự việc đơn giản diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc gần gũi diễn ra hàng ngày.				X				X	
46. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao. ..	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè	X	X	X	X	X	X	X	X	X
47. Bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên Kể lại được một vài tình tiết của truyện đã được nghe. Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ								X	X
48. Sử dụng các từ "Vâng ạ" "Dạ" "Thưa" trong giao tiếp	- Sử dụng được các từ biểu thị sự lễ phép.	X				X				
- Làm quen với việc đọc, viết										
49. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách, xem tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau	X	X	X	X	X	X	X	X	X

	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. Giữ gìn bảo vệ sách - Làm quen với cách đọc (hướng đọc: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.								
50. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên các nhân vật trong tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm,...)	x			x		x		
51. Thích vẽ nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách viết (hướng viết của các nét chữ).		x						x
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI									
- Thể hiện ý thức về bản thân.									
52. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. Điều bé thích, không thích.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. Những điều bé thích, không thích.		x						x
- Thể hiện sự tự tin, tự lực									
53. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Đề xuất trò chơi, vai chơi. Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến			x			x		x
54. Cố gắng hoàn thành công việc đơn giản được giao	- Thực hiện công việc được giao(xếp đồ chơi, chia giấy vẽ....)					x		x	
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng XQ.									
55. Nhận ra, biểu lộ cảm xúc cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua giọng nói, nét mặt, cử chỉ.		x				x		

qua giọng nói, nét mặt, cử chỉ, tranh ảnh.	- Biểu lộ trạng thái xúc cảm, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi,; hát, vẽ, vận động, xếp hình	x				x				
56. Nhận ra hình ảnh BH. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.									x
- Hành vi và quy tắc ứng xử										
57. Thực hiện được một số quy định ở lớp và ở nhà.	- Một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng: (Đề đồ dùng đúng nơi quy định, trật tự khi ngủ, khi ăn, chờ đến lượt....Chú ý nghe khi cô nói, bạn nói	x	x					x		
58. Biết chào hỏi nói cảm ơn, xin lỗi, khi được nhắc nhở....	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). Yêu mến người thân trong gia đình			x			x		x	
59. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn.				x	x		x		
- Quan tâm đến môi trường										
60. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối và con vật. - Tiết kiệm điện, nước.			x		x			x	
61. Bỏ rác đúng nơi quy định	- Một số hành vi “Đúng”, “ Sai”, “Tốt”, “Xấu”				x		x			
	- Giữ gìn vệ sinh môi trường		x							x
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ										
- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.										

62. Vui sướng, vỗ tay nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng, các tác phẩm tạo hình	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe các âm thanh gọi cảm, bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng và các tác phẩm nghệ thuật	x		x						
63. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)		x					x		
- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.										
64. Hát, vận động theo giai điệu, nhịp điệu bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
65. Sử dụng các vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.					x	x			
66. Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình... tạo thành bức tranh đơn giản. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, xé dán, xếp hình... để tạo thành bức tranh đơn giản. Nhận xét sản phẩm tạo hình.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)										
67. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích các bài hát/ bản nhạc quen thuộc.			x						x
68. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm của mình.					x			x	
Tổng		25	23	25	23	24	24	23	2	22
									5	

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN NĂM HỌC 2025 - 2026

Số TT	Tên chủ đề	Ngày lễ hội	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Trường mầm non của bé	- Ngày hội đến trường	3 tuần từ 08/9 -> 26/9/2025	
2	Bản thân	- Bé vui đón tết trung thu	3 tuần Từ 29/9 -> 17/10/2025	
3	Bé với gia đình thân yêu	- Ngày PNVN 20/10.	4 tuần Từ 20/10>14/11/2025	
4	Những nghề bé biết	- Ngày hội của cô giáo 20-11	4 tuần Từ 17/11 -> 12/12/2025	
5	Thế giới động vật	- Ngày thành lập quân đội nhân dân VN 22/12	4 tuần Từ 15/12 -> 9/01/2026	<i>Nghỉ tết dương lịch</i>
Kết thúc học kỳ I: 18 tuần				
6	Phương tiện và luật lệ giao thông		4 tuần Từ 12/01 -> 06/2/2026	
7	Bé với thế giới thực vật	- Ngày QTPN 08/3 - Lễ hội tết và mùa xuân	4 tuần Từ 9/02-> 13/03/2026	- <i>Nghỉ tết nguyên đán (từ 16/02 đến hết ngày 20/02/2026)</i>
8	Bé với các hiện tượng tự nhiên		5 Tuần Từ 16/03-> 17/04/2026	
9	Quê hương - đất nước - Bác Hồ.	- Mừng sinh nhật - - Bác 19/5. - Tổng kết năm học.	4 tuần Từ 20/04-> 22/05/2026	- <i>Nghỉ bù Giỗ tổ HV 10/3(27/04)</i> - <i>Nghỉ lễ 30/4, 01/5/2026 (thực hiện tuần đệm 28/4, 29/4)</i>
Kết thúc học kỳ II: 17 tuần				
Tổng			35 Tuần	

B. KHỐI NHÀ TRẺ: 24 - 36 THÁNG

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC	CHỦ ĐỀ									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
GD PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT											
1/ GD phát triển vận động:											
* Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.											
1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục.	- Thực hiện các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng, chân.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
*Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.											
2. Giữ được thăng bằng trong vận động.	- Đi theo hiệu lệnh.	x									
	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh					x					
	- Đi trong đường hẹp.		x								
	- Đi theo đường ngoằn ngoèo				x						
	- Đi có bê vật trên tay.						x				
	- Chạy đổi hướng							x			
	- Chạy theo hướng thẳng.			x							
	- Đi kết hợp với chạy								x		
	- Đứng co 1 chân.										x
	- Đi bước vào các ô									x	
3. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt.	- Tung - bắt bóng với cô (khoảng cách 1m).										x
	- Tung bóng qua dây				x						
	- Tung bóng bằng hai tay								x		
	- Ngồi lăn bắt bóng với cô							x			
	- Ném bóng vào đích					x				x	
	- Ném xa bằng 1 tay		x								
	- Ném bóng về phía trước	x									

	- Ném xa bằng 2 tay						x						
4. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò.	- Bò theo đường thẳng mang vật trên lưng.											x	
	- Bò theo đường gấp khúc				x					x			
	- Bò chui qua cổng.												x
	- Bò trong đường hẹp			x			x						
	- Bò theo hướng thẳng		x										
	- Bò, trườn qua vật cản.							x					
	- Bước lên xuống bậc cao 15 cm					x							
5. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động.	- Bật xa 20 - 25 cm				x								
	- Bật về phía trước		x										
	- Bật tại chỗ.	x											
	- Bật liên tục vào vòng							x					
	- Bật qua vạch kẻ.			x									
	- Đá bóng về phía trước					x							
	- Bật qua dây									x			
* Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay.													
6. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay.	- Xoa tay, chạm đầu các ngón tay với nhau.		x		x					x			
	- Múa khéo												
7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động.	- Nhào đất nặn, rót nước, khuấy, đảo, vò, xé.					x							
	- Đóng cọc bàn gỗ, nhón nhặt đồ vật.	x											x
	- Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.								x				
	- Chắp ghép hình, chồng, xếp 6- 8 khối						x						
	- Cầm bút tô, vẽ. lật, mở trang sách			x								x	
2/ GD dinh dưỡng và sức khỏe:													
* Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.													
8. Thích nghi với các chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen các chế độ ăn cơm, ăn các loại thức ăn khác nhau	x									x		

[illegible]

	của một số thức ăn, hoa quả (ngọt, mặn, chua...)												
*Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.													
15. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của người gần gũi.	- Bắt chước các hành động của những người quen thuộc trong các hoạt động hàng ngày.					x							x
16. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.										x		
17. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính của một số bộ phận cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân...	x											
18. Nói được tên, một vài đặc điểm nổi bật của các đồ dùng đồ chơi quen thuộc	- Tên đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc					x							x
19. Nói được tên của cô giáo và các bạn trong nhóm/lớp.	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.					x							
20. Nói được tên, một vài đặc điểm nổi bật của một số loại cây, rau, hoa, quả quen thuộc.	- Tên đặc điểm nổi bật của một số loại rau, hoa, quả quen thuộc.		x							x			
21. Nói được tên, một vài đặc điểm nổi bật của một số con vật quen thuộc.	- Tên đặc điểm nổi bật của một số con vật quen thuộc.						x						
22. Nói được tên, một vài đặc điểm nổi bật của một số PTGT gần gũi.	- Tên đặc điểm nổi bật và công dụng của PTGT gần gũi.								x				
23. Chỉ/nói tên, lấy hoặc cắt đúng đồ chơi màu đỏ, vàng, xanh theo yêu cầu	- Màu đỏ, vàng, xanh	x					x					x	

24. Chỉ hoặc lấy, hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ		x		x				x		
25. Chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi hình tròn, hình vuông.	- Hình tròn, hình vuông			x			x			x	
26. Chỉ/nói được vị trí không gian (trên - dưới - trước - sau) so với bản thân trẻ	Trên - dưới - trước - sau của bản thân			x					x		x
27. Nhận biết về số lượng.	- Một và nhiều								x		
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ											
*Nghe hiểu lời nói.											
28. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói										x
29. Trả lời được các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? Làm gì? Thế nào?....	- Nghe các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? Làm gì? Thế nào?....					x		x			
30. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản.	- Nghe, hiểu nội dung truyện ngắn, truyện đơn giản phù hợp lứa tuổi	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
* Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu.											
31. Phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau										x
32. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè ngắn có câu 3-4 tiếng.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
33. Kể lại được truyện.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.									x	
* Làm quen với sách											

34. Thích nghe đọc sách.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách.		x										
35. Thích xem truyện tranh	Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.				x								x
* Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.													
36. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng.	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc.			x									
	- Trả lời và đặt câu hỏi "làm gì?" "Tại sao?", "Làm thế nào?"											x	
37. Nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.					x					x		
38. Sử dụng lời nói với mục đích khác nhau.	- Chào hỏi, trò chuyện.		x										
	- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.							x					
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ													
*Biểu lộ sự nhận thức về bản thân.													
39. Nói được một vài thông tin về mình. Thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết tên gọi, đặc điểm bên ngoài bản thân. Một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	x											
	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô giáo									x			
*Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.													
40. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.		x					x					
41. Nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi...				x							x	

[illegible]

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN NĂM HỌC 2025 - 2026

ST T	Tên chủ đề	Ngày lễ hội	Thời gian	Ghi chú
1	Bé và các bạn	- Ngày hội đến trường.	3 tuần Từ 8/9 đến 26/9/2025	
2	Cây và những bông hoa đẹp	- Bé vui đón tết trung thu - Ngày PNVN 20/10	4 tuần Từ 29/9 đến 24/10/2025	
3	Đồ chơi của bé		3 tuần Từ 27/10 đến 14/11/2025	
4	Các bác các cô trong trường	- Ngày nhà giáo VN	4 tuần Từ 17/11 đến 12/12/2025	
5	Những con vật đáng yêu	- Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12	4 tuần Từ 15/12 đến 9/1/2026	- Nghỉ tết dương lịch
6	Bé với PTGT		3 tuần Từ 12/1 đến 30/1/2026	
7	Ngày Tết quê em	- Tết nguyên đán - Ngày QTPN 8/3	4 tuần Từ 2/2 đến 6/3/2026	Nghỉ tết nguyên đán (14/2 đến hết ngày 22/2/2026)
8	Mẹ và những người thân yêu của bé		4 tuần Từ 9/3 đến 3/4/2026	
9	Bé với mùa hè		3 tuần Từ 6/4 đến 24/4/2026	Nghỉ Giỗ tổ HV 10/3 (26/04)
10	Bé lên mẫu giáo	- Mừng SN Bác 19/5. - Ngày QTTN 1/6	3 tuần Từ 4/5 đến 22/5/2026	Ngỉ lễ 30/4, 01/5 (Thực hiện tuần đệm)

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
VŨ THỊ HƯƠNG**